

Nội dung bài viết

1. [Soan Unit 3 Extra listening and speaking 3 lớp 7 Friends plus](#)

Soan Unit 3 Extra listening and speaking 3 lớp 7 Friends plus

1 (trang 108 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Listen to people talking about a wedding. Match speakers 1-4 with the things in photos A-D. (Nghe mọi người nói về một đám cưới. Ghép người nói 1-4 với những thứ trong ảnh A-D.)



Đáp án:

1. Liam – D	2. Emma – B	3. Harry – C	4. Ruby – A
-------------	-------------	--------------	-------------

Nội dung bài nghe:

1. Liam: His mom made the wedding cake. It was amazing.
2. Emma: They got lots of presents. They were on the table, and I wanted to open them.
3. Harry: The wedding party was in the garden of a big hotel.
4. Ruby: There were fireworks and great music at the party.

Hướng dẫn dịch:

1. Liam: Mẹ anh ấy đã làm bánh cưới. Nó thật là tuyệt.

2. Emma: Họ có rất nhiều quà. Chúng ở trên bàn, và tôi muốn mở chúng ra.

3. Harry: Tiệc cưới diễn ra trong khu vườn của một khách sạn lớn.

4. Ruby: Có pháo hoa và âm nhạc tuyệt vời trong bữa tiệc.

2 (trang 108 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Listen to Megan talking about a wedding. Which of the things in the box does she talk about? (Hãy nghe Megan nói về một đám cưới. Cô ấy nói về những thứ nào trong hộp?)

clothes place Lily's parents music
presents food people drinks

Đáp án: Megan talks about place, music, presents, food and people.

Nội dung bài nghe:

Ella: Hi Megan. Hey, I didn't see you at tennis on Saturday. What happened?

Megan: Hi Ella. My cousin got married on Saturday, and I went to her wedding.

Ella: Wow! Did you have a good time?

Megan: I had a great time. I've got some photos. Look. Here is one of Lily in her wedding dress.

Ella: Oh, she's really beautiful, and look at Dan. He looks really smart.

Megan: I know. He usually wears jeans.

Ella: Were there many people?

Megan: Yes. There were about 150 people. Lots of my cousins were there. I met Dan's brother, Jamie. He's really cool. I sat next to him at dinner.

Ella: Where was the wedding?

Megan: It was in the garden of a big hotel, in the country.

Ella: What was the food like?

Megan: Fantastic, really amazing. There were so much. After the meal, everyone danced. There was a DJ, and he played a lot of good music.

Ella: What did you give them for a wedding present?

Megan: My mom and dad just gave them some money, so that they can have a really good holiday.

Ella: Good idea.

Hướng dẫn dịch:

Ella: Chào Megan. Này, tớ không gặp cậu tại sân tennis vào thứ Bảy. Chuyện gì đã xảy ra thế?

Megan: Chào Ella. Chị họ tớ kết hôn vào thứ bảy, và tớ đã đến dự đám cưới của cô ấy.

Ella: Chà! Cậu đã có khoảng thời gian vui vẻ chứ?

Megan: Tớ đã có một khoảng thời gian tuyệt vời. Tớ có một số bức ảnh. Nhìn này. Đây là một trong những bức Lily trong chiếc váy cưới của cô ấy.

Ella: Ồ, cô ấy thật sự rất đẹp, và nhìn Dan này. Anh ấy trông thật thông minh.

Megan: Tớ biết. Anh ấy thường mặc quần jean.

Ella: Có nhiều người không?

Megan: Có. Có khoảng 150 người. Rất nhiều anh em họ của tớ đã ở đó. Tớ đã gặp Jamie, em trai của Dan. Anh ấy thật tuyệt. Tớ ngồi cạnh anh ấy trong bữa tối.

Ella: Đám cưới ở đâu vậy?

Megan: Nó ở trong khu vườn của một khách sạn lớn, ở vùng nông thôn.

Ella: Đờ ăn như thế nào?

Megan: Tuyệt vời, thực sự tuyệt vời. Có rất nhiều. Sau bữa ăn, tất cả mọi người đều nhảy múa. Có một DJ, và anh ấy chơi rất nhiều bản nhạc hay.

Ella: Cậu đã tặng gì cho họ cho quà cưới?

Megan: Bố mẹ tớ cho họ một số tiền để họ có một kỳ nghỉ thật vui vẻ.

Ella: Ý kiến hay đấy.

3 (trang 108 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Listen to the conversation again and write True or False. Correct the false sentences. (Nghe lại đoạn hội thoại và viết Đúng hoặc Sai. Sửa các câu sai.)

1. The wedding was last Saturday.
2. There were a hundred people at the wedding.
3. Megan sat next to Dan at dinner.
4. The wedding was in a room in a big hotel.
5. Megan gave Lily and Dan some money as a wedding present.

Đáp án:

1. True
2. False – There were a hundred and fifty people at the wedding.
3. False – Megan sat next to Dan's brother at dinner.
4. False – The wedding was in the garden of a big hotel.
5. False – Megan's parents gave Lily and Dan some money as a wedding present.

Hướng dẫn dịch:

1. Đám cưới vào hôm thứ bảy tuần trước. – Đúng
2. Có một trăm người trong đám cưới. – Sai – Có 150 người dự đám cưới.
3. Megan ngồi cạnh Dan trong bữa tối. – Sai – Megan ngồi cạnh anh trai của Dan trong bữa tối.
4. Đám cưới diễn ra trong một căn phòng trong một khách sạn lớn. – Sai – Đám cưới diễn ra trong khu vườn của một khách sạn lớn.

5. Megan đã cho Lily và Dan một số tiền làm quà cưới. – Sai – Bố mẹ Megan đã cho Lily và Dan một số tiền làm quà cưới.

4 (trang 108 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the dialogue with the key phrases. Listen and check. Then listen again and repeat the dialogue. (Hoàn thành cuộc đối thoại với các cụm từ chính. Nghe và kiểm tra. Sau đó nghe lại và lặp lại đoạn hội thoại.)

Pete: Hi, Sam. (1) Jack's party?

Sam: I couldn't come, It was my brother's wedding

Pete: Oh, I forgot about that. (2)?

Sam: Yeah. I had a great time!

Pete: (3)?

Sam: Yes, there were about 100 people. I met Jack's sister, Ruby. She's cool.

Pete: I don't know her. (4)?

Sam: Really good. There were lots of different types of food.

Pete: (5)?

Sam: My mum and dad gave them a coffee machine. They really liked it!

Đáp án:

1. Why didn't you go to
2. Did you have a good time
3. Were there many people
4. What was the food like
5. What did you give them for a present

Hướng dẫn dịch:

Pete: Xin chào, Sam. Tại sao bạn không đến bữa tiệc của Jack?

Sam: Tôi không thể đến, đó là đám cưới của anh trai tôi

Pete:Ồ, tôi quên mất đi ầu đó. Bạn đã có khoảng thời gian vui vẻ chứ?

Sam: Vâng. Tôi đã có khoảng thời gian tuyệt vời!

Pete: Có nhiều người không?

Sam: Vâng, có khoảng 100 người. Tôi đã gặp chị gái của Jack, Ruby. Con nhỏ đó ng ầu đấy.

Pete: Tôi không biết cô ấy. Thức ăn như thế nào?

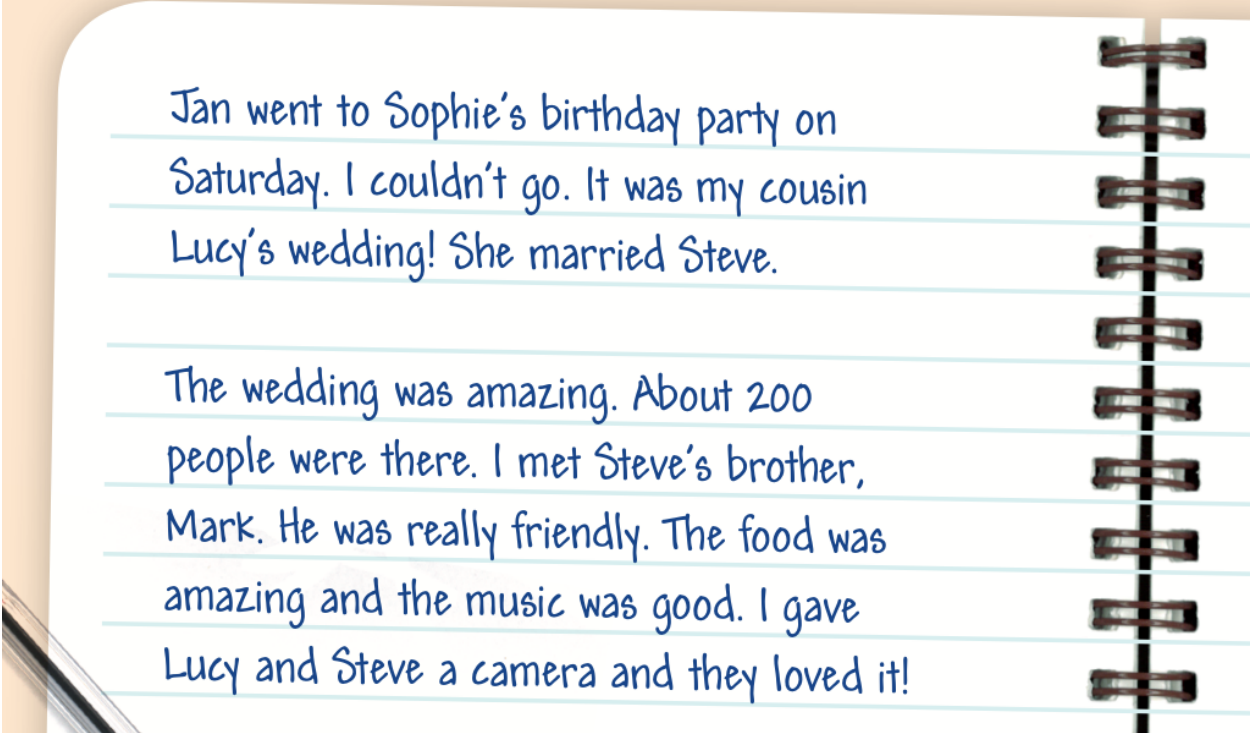
Sam: Thực sự tốt. Có rất nhiều loại thức ăn khác nhau.

Pete: Bạn đã tặng quà gì cho họ?

Sam: Bố mẹ tôi đã cho họ một chiếc máy pha cà phê. Họ thực sự thích nó!

5 (trang 108 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus)USE IT!

Work in pairs. Look at the diary extract. Prepare and practise a new dialogue using the information in the diary, and the dialogue in exercise 4. Use the Key Phrases. (Làm việc theo cặp. Nhìn vào phần trích xuất nhật ký. Chuẩn bị và thực hành một đoạn hội thoại mới bằng cách sử dụng thông tin trong nhật ký và đoạn hội thoại trong bài tập 4. Sử dụng các Cụm từ chính.)



Jan went to Sophie's birthday party on Saturday. I couldn't go. It was my cousin Lucy's wedding! She married Steve.

The wedding was amazing. About 200 people were there. I met Steve's brother, Mark. He was really friendly. The food was amazing and the music was good. I gave Lucy and Steve a camera and they loved it!

Gợi ý:

- Hi, Lam. Why didn't go to Sophie's birthday party?
- I couldn't come. It was my cousin Lucy's wedding. She married Steve.
- Oh, I forgot about that. Did you have a good time?
- Yeah, the wedding was amazing.
- Were there many people?
- About 200 people were there. I met Steve's brother, Mark. He was really friendly.
- What was the food like?
- The food was amazing and the music was good, too.
- What did you give them for a present?
- I gave Lucy and Steve a camera and they loved it!

Hướng dẫn dịch:

- Chào Lâm. Tại sao không đến dự tiệc sinh nhật của Sophie vậy?
- Tôi không thể đến. Đó là đám cưới của chị họ tôi Lucy. Cô ấy đã kết hôn với Steve.
- Ồ, tôi quên chuyện đó rồi. Bạn đã có khoảng thời gian vui vẻ chứ?
- Ừ, đám cưới thật tuyệt vời.
- Có nhiều người ở đó không?
- Khoảng 200 người đã ở đó. Tôi đã gặp Mark, anh trai của Steve. Anh ấy thực sự rất thân thiện.
- Thức ăn như thế nào?
- Thức ăn tuyệt vời và âm nhạc cũng hay.
- Bạn đã tặng quà gì cho họ?
- Tôi đã tặng Lucy và Steve một chiếc máy ảnh và họ rất thích nó!